



zhuāng zài

装载

verb · to load (cargo)

Example Sentences

kǎ chē zhèng zài zhuāng zài huò wù
卡车正在装载货物。

The truck is loading cargo.

zhè sōu chuán kě yǐ zhuāng zài wǔ bǎi dùn liáng shí
这艘船可以装载五百吨粮食。

This ship can load five hundred tons of grain.

Trace each character, then write the word on your own.

装	装	装	装	装	装	装	装	装	装	装
装	装	装	装							

载	载	载	载	载	载	载	载	载	载	载
载	载									

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--